**Ngày soạn: ....../...../.....**

**Ngày dạy: ....../...../......**

**TIẾT……: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được nghĩa của từ ngữ.

- Nhận biết và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ trong các trường hợp cụ thể;

- Ôn tập, củng cố lại kiến thức về biện pháp tu từ đã học.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực nhận diện và phân tích các biện pháp tu từ.

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6 tập 2, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***GV tổ chức trò chơi Xây Dựng Đội Hình CùngHLV Park Hang Seo***

**1. Điệp ngữ là gì?**

B. Là một BPTT trong văn học, chỉ việc lặp đi lặp lại một từ, một cụm từ để nhấn mạnh vấn đề được nói đến.

**2. Điệp ngữ có mấy dạng?**

B. 3 dạng

**3. Hãy xác định kiểu điệp ngữ trong khổ thơ dưới đây:**

Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm

Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi

Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui

Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ

A. Điệp ngữ ngách quãng

**4. Câu thơ sau sử dụng BPTT gì?**

“Ta làm con chim hót

Ta làm một cành hoa..”

C. Điệp từ

**5. giải thích nghĩa của từ «lẫm liệt»**

D. Cả 3 đáp án trên

**6. Em hãy liệt kê các từ đồng nghĩa với từ «hi sinh»**

🡪 từ trần, đi, chết, nằm xuống, thôi rồi...

**7. Phép lặp, phép điệp từ, phép điệp ngữ có gì giống nhau?**

A. Đều lặp đi, lặp lại một từ, cụm từ

**8. Em hãy giải thích nghĩa của từ «hoảng hốt»**

🡪 Hoảng loạn, lo lắng, sợ hãi

**9. Em hãy đưa ra một từ rồi chọn một bạn trong lớp giải thích từ đó nhé!**

**10. Chia sẻ suy nghĩ của em về đội tuyển bóng đá của Việt Nam khi có ông Park Hang Seo dẫn dắt.**

**GV chốt và dẫn vào bài:** *………………………*

**Hoạt động 2: Củng cố kiến thức**

**a. Mục tiêu:** HS củng cố lại kiến thức về cách nhận biết nghĩa của từ ngữ (suy đoán, tra từ điển).

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV đặt câu hỏi gới dẫn:+ Nghĩa của từ là gì?+ Theo em, có mấy các để giải nghĩa của từ ngữ? Cho ví dụ minh họa?- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thực hiện nhiệm vụ; trả lời các câu hỏi**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trả lời câu hỏi- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  | **I. Ôn lại lý thuyết****Nghĩa của từ:** là nội dung (sự vật, tính chất, quan hệ, hoạt động…) mà từ biểu thịVí dụ: + “Lẫm liệt”: hung dung, oai nghiêm+ “Hoảng hốt”: sợ sệt, lo lắng, vội vã, cuống quýt…**Các cách giải nghĩa của từ ngữ** **\* Để hiểu nghĩa của từ ngữ thông thường có thể dùng các cách sau:****- Cách 1:** Tra từ điển.**- Cách 2:** Dựa vào các yếu tố tạo nên từ ngữ đó để suy đoán nghĩa của nó.**Ví dụ**: *gia tài:* + *gia* là nhà+ *tài* là của cải**🡪 gia tài:** là của cải riêng của một người hay một gia đình.**Các cách giải nghĩa của từ ngữ** ***\* Để giải thích nghĩa của từ ngữ trong câu, đoạn văn, nên dựa vào các từ ngữ xung quanh*** **Ví dụ: “***Hai bên đánh nhau* ***ròng rã*** *suốt mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thủy Tinh thì đã kiệt.”**- Nghĩa của từ* ***“ròng rã”*** có thể dựa vào các từ xung quanh như *“suốt mấy tháng trời”, “cuối cùng” “đã kiệt”* để suy ra nghĩa của từ ***ròng rã*** là kéo dài liên tục không ngớt, không ngừng nghỉ, dai dẳng mãi mới kết thúc |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Áp dụng được lí thuyết để thực hành làm bài tập

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS hoàn thành phiếu học tập cá nhận (bài 1)

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ ngữ** | **Nghĩa của từ** |
| Mơn mởn |  |
| Lúc lỉu |  |
| Ròng rã |  |
| Vợi hẳn |  |

- GV tổ chức cho học sinh hoạt động nhóm theo bàn làm bài tập 2- HS hoàn thành bài tập 3- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thực hiện nhiệm vụ**Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và thảo luận**- HS trả lời câu hỏi- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  | **Bài tập 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ ngữ** | **Nghĩa của từ** |
| Mơn mởn | xanh non và tươi tốt. |
| Lúc lỉu | (trạng thái) nhiều quả trên khắp các cành |
| Ròng rã | (thời gian) kéo dài liên tục |
| Vợi hẳn | Giảm đi (bớt đi) đáng kể |

**Bài tập 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Sự kiện | Vợ chồng người anh | Vợ chồng người em |
| ĐT, Cụm ĐT | Đặc điểm | ĐT, Cụm ĐT | Đặc điểm |
| **Chuẩn bị theo chim ra đảo** | *Nghe lời chim may một túi* | từ tốn, biết điểm dừng | *Cuống quýt bàn cãi may túi, định may nhiều túi* | Tham lam, nôn nóng |
| **Lên lưng chim ra đảo** | *Trèo, trèo lên lưng* | ôn tồn, bình tĩnh | *Tót, tót ngay lên lưng* | vội vàng, sỗ sàng, thô lỗ |
| **Lấy vàng bạc trên đảo** | *Không dám vào, chỉ dám nhặt ít* | cẩn trọng, từ tốn, không tham lam | *hoa mắt vì của quý, mê mẩn tâm thần, quên đói, quên khát, lấy thêm, cố nhặt vàng và kim cương.* | tham lam vô độ, mất hết lí trí |

**b. Giải thích nghĩa của những động từ hoặc cụm động từ :**- ***nghe lời chim***: lắng nghe và làm theo lời chỉ dẫn của chim*-* ***cuống quýt****:* vội vã, rối rít do bị cuống, không bình tĩnh-***tót*:** di chuyển tới một nơi khác bằng động tác rất nhanh, gọn và đột ngột*-* ***mê mẩn tâm thần*:** tâm trí, tinh thần không còn tỉnh táo hoặc quá say mê đến mất bình tĩnh**Bài tập 3***a.* *- Hiện tượng lặp đi lặp lại một số từ ngữ: ăn mãi, ăn mãi* *🡺* Biện pháp tu từ: **điệp ngữ** - ***Tác dụng***: Nhấn mạnh hành động “ăn”: *ăn mãi, ăn mãi* nghĩa là ăn rất lâu, và rất nhiều như thể không bao giờ dừng.*b. - Hiện tượng lặp đi lặp lại một số từ ngữ: bay mãi, bay mãi; hết... đến..., hết ...đến...🡺* Biện pháp tu từ: **điệp ngữ** - ***Tác*** ***dụng***: Nhấn mạnh hành động “bay”: “*bay mãi, bay mãi”* có nghĩa là bay rất xa, rất lâu; ý rất xa còn nhấn mạnh thêm cả điệp ngữ *“hết đồng ruộng đến rừng xanh, hết rừng xanh đến biển cả”* nghĩa là khoảng không gian cứ nối tiếp nhau tưởng như vô tận. |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

***- GV tổ chức hoạt động: LỰA CHỌN CHỦ ĐỀ***

+ Quê hương

+ Gia đình

+ Tình bạn

- Đặt câu có sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ.

- Đảm bảo yêu cầu:

+ Đặt được câu văn hoàn chỉnh (nội dung, hình thức câu)

+ Sử dụng phép tu từ điệp ngữ

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Rút kinh nghiệm**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**